

Số: /BC-KKT

Khánh Hòa, ngày tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO
Công khai tài chính năm 2024

Căn cứ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan quản lý Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của liên Bộ Tài Chính - Bộ Nội Vụ về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính Phủ;

Căn cứ Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 25/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ của Ban;

Căn cứ số liệu báo cáo năm 2024;

Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa báo cáo công khai tình hình sử dụng kinh phí hoạt động của cơ quan đến toàn thể cán bộ công chức Ban như sau:

A. NGUỒN KINH PHÍ CHI HOẠT ĐỘNG:

DVT: Đồng

STT	Nội dung	Số ngân sách cấp năm 2024	Số thực hiện đến 15/12/2024	Ước thực hiện đến 31/01/2025	Kinh phí còn lại chưa sử dụng
A	PHẦN CHI (I+II)	52.052.975.201	22.616.162.121	51.549.538.874	503.436.327
I	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.213.861.041	5.446.448.324	5.991.099.034	222.762.007
1	Kinh phí năm 2023 chuyển sang	215.661.041			215.661.041
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (Nguồn 13)	215.661.041			215.661.041
	- Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (Nguồn 14)				
2	Kinh phí được giao năm 2024	5.998.200.000	5.446.448.324	5.991.099.034	7.100.966
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (Nguồn 13)	5.998.200.000	5.446.448.324	5.991.099.034	7.100.966
	- Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (Nguồn 14)				

STT	Nội dung	Số ngân sách cấp năm 2024	Số thực hiện đến 15/12/2024	Ước thực hiện đến 31/01/2025	Kinh phí còn lại chưa sử dụng
	+ Tiền lương		2.875.657.704	2.875.657.704	
	+ Tiền công		257.349.900	257.349.900	
	+ Phụ cấp		984.283.860	984.283.860	
	+ Tiền thưởng		30.510.000	130.510.000	
	+ Chi phúc lợi tập thể		78.349.000	98.849.000	
	+ Các khoản đóng góp BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ		600.218.544	666.369.254	
	+ Chi tăng thu nhập			200.000.000	
	+ Các khoản thanh toán cho cá nhân		786.500	786.500	
	+ Thanh toán dịch vụ công cộng (điện, nước, nhiên liệu...)		159.083.904	179.083.904	
	+ Vật tư văn phòng (văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ, ...)		169.339.600	189.339.600	
	+ Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		59.954.973	64.954.973	
	+ Hội nghị		1.600.000	4.600.000	
	+ Công tác phí		61.572.000	71.572.000	
	+ Chi thuê mướn (đào tạo cán bộ, thuê mướn khác, ...)		8.752.000	13.752.000	
	+ Chi sửa chữa (ô tô, điều hòa nhiệt độ, thiết bị tin học, hệ thống nước...)		43.980.000	63.980.000	
	+ Chi mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn		15.000.000	15.000.000	
	+ Chi nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành (tài liệu dùng cho công tác chuyên môn...)		1.645.000	6.645.000	
	+ Chi mua sắm tài sản vô hình (bảo trì phần mềm)		2.500.000	2.500.000	
	+ Chi khác (tiếp khách, chi hỗ trợ, bảo hiểm xe ô tô, phí lệ phí...)		81.555.339	131.555.339	

STT	Nội dung	Số ngân sách cấp năm 2024	Số thực hiện đến 15/12/2024	Ước thực hiện đến 31/01/2025	Kinh phí còn lại chưa sử dụng
	+ Chi phí khác (phụ cấp cấp ủy)		14.310.000	34.310.000	
II	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	45.839.114.160	17.169.713.797	45.558.439.840	280.674.320
II.1	Ban quản lý khu kinh tế Vân Phong	2.683.520.000	2.091.977.897	2.518.621.680	164.898.320
1	Kinh phí bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán (cấp đầu năm 45.500.000 đồng + 28.000.000 đồng cấp bổ sung - 300.000 đồng điều chỉnh giảm)	73.200.000	73.200.000	73.200.000	
2	Kinh phí xúc tiến đầu tư (cấp đầu năm 180.000.000 đồng + 120.000.000đ cấp bổ sung)	300.000.000	166.876.217	300.000.000	
3	Kinh phí nhận bút, thù lao đăng thông tin điện tử Ban (cấp đầu năm 20.000.000 đồng + 20.000.000đ cấp bổ sung)	40.000.000		40.000.000	
4	Kinh phí thuê đặt máy chủ (cấp đầu năm 21.000.000 đồng - 21.000.000 đồng điều chỉnh giảm)				
5	Kinh phí thực hiện công tác PCCC (cấp đầu năm 15.000.000 đồng - 10.000.000 đồng điều chỉnh giảm)	5.000.000		5.000.000	
6	Kinh phí tổ chức Hội nghị đối thoại doanh nghiệp trong Khu kinh tế Vân Phong và các khu công nghiệp tỉnh	33.000.000	31.782.000	31.782.000	1.218.000
7	Kinh phí tổ chức Hội nghị pháp luật, phổ biến các quy định của pháp luật về lao động	18.000.000			18.000.000
9	Kinh phí tiếp công dân	27.000.000	14.400.000	27.000.000	

STT	Nội dung	Số ngân sách cấp năm 2024	Số thực hiện đến 15/12/2024	Ước thực hiện đến 31/01/2025	Kinh phí còn lại chưa sử dụng
10	Kinh phí trang bị hệ thống PCCC khối nhà Ban quản lý (kinh phí năm 2023 chuyển sang)	998.400.000	771.575.000	903.104.000	95.296.000
11	Kinh phí hỗ trợ công chức làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (cấp bổ sung: 21.600.000 đồng)	21.600.000	21.600.000	21.600.000	
12	Kinh phí mua sắm trang thiết bị cho lãnh đạo (cấp bổ sung: 113.500.000 đồng)	113.500.000	15.000.000	113.500.000	
9	Kinh phí trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung của BQL KKT Vân Phong (cấp bổ sung: 1.053.800.000 đồng)	1.053.820.000	997.544.680	1.003.435.680	50.384.320
II.2	Sự nghiệp kinh tế	43.125.294.160	15.047.435.900	43.009.518.160	115.776.000
1	Kinh phí duy tu bảo dưỡng các tuyến đường	990.000.000	874.224.000	874.224.000	115.776.000
2	Kinh phí lập quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) phân khu 14, 15, 16, 18, 19 (kinh phí năm 2023 chuyển sang)	1.335.432.000	527.073.000	1.335.432.000	
3	Kinh phí lập quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) phân khu 01, 02, 03, 04, 05, 08, 14, 15, 16, 17, 18, 19 (cấp bổ sung: 38.174.120.000 đồng)	38.174.120.000	13.371.009.400	38.174.120.000	
4	Kinh phí thuê đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ dự toán điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất khi nhà nước thu hồi tại Khu kinh tế Vân Phong đối với dự án Khu đô thị mới cao cấp Tu Bông (cấp bổ sung: 38.174.120.000 đồng)	360.042.000	160.056.000	360.042.000	

STT	Nội dung	Số ngân sách cấp năm 2024	Số thực hiện đến 15/12/2024	Ước thực hiện đến 31/01/2025	Kinh phí còn lại chưa sử dụng
5	Kinh phí thuê đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ dự toán điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất khi nhà nước thu hồi tại Khu kinh tế Vân Phong đối với dự án Khu đô thị mới cao cấp Đàm Môn (<i>cấp bổ sung: 38.174.120.000 đồng</i>)	233.578.000	101.441.500	233.578.000	
6	Kinh phí lập quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Khu du lịch Đảo Điệp Sơn (Phân khu 06) (<i>cấp bổ sung: 700.000.000 đồng</i>)	700.000.000	13.632.000	700.000.000	
7	Kinh phí thực hiện lựa chọn nhà đầu tư dự án Khu đô thị mới cao cấp Cổ Mã (<i>cấp bổ sung: 249.126.000 đồng</i>)	249.126.000		249.126.000	
8	Kinh phí sự nghiệp môi trường (<i>cấp bổ sung: 70.000.000 đồng</i>)	70.000.000		70.000.000	
9	Kinh phí lập quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) các phân khu 7, 9, 10, 11, 12, 13 trong Khu kinh tế Vân Phong (<i>cấp bổ sung sau 30/9/2024: 1.012.996.160 đồng, được chuyển nguồn qua năm sau</i>)	1.012.996.160		1.012.996.160	
II.3	Ban quản lý dự án hạ tầng Khu kinh tế và Khu công nghiệp (Đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên)	30.300.000	30.300.000	30.300.000	
1	Kinh phí bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán (<i>cấp đầu năm 19.500.000 đồng + 12.000.000 đồng cấp bổ sung - 1.200.000 đồng điều chỉnh giảm</i>)	30.300.000	30.300.000	30.300.000	
B	PHẦN THU				
I	THU PHÍ, LỆ PHÍ	328.368.227	89.068.748	89.068.748	165.589.973

STT	Nội dung	Số ngân sách cấp năm 2024	Số thực hiện đến 15/12/2024	Ước thực hiện đến 31/01/2025	Kinh phí còn lại chưa sử dụng
	Nguồn Ngân sách (số dư năm 2023 chuyển sang: 91.079.342 đồng + 120.574.800 đồng số thu được để lại trong năm 2024)	211.654.142	8.153.709	18.153.709	193.500.433
	Nguồn CCTL (số dư năm 2023 chuyển sang: 36.330.885 đồng + 80.383.200 đồng số thu được để lại trong năm 2024)	116.714.085	64.662.901	94.939.051	21.775.034

Trong năm 2024, Ban quản lý được giao kinh phí và được sử dụng trong năm là 52.053 triệu đồng, gồm chi quản lý nhà nước là 8.928 triệu đồng và chi sự nghiệp kinh tế là 43.125 triệu đồng.

Số kinh phí đã thực hiện tính đến 15/12/2024: 22.616 triệu đồng, gồm chi quản lý nhà nước là 7.569 triệu đồng và chi sự nghiệp kinh tế là 15.047 triệu đồng. Ước thực hiện đến năm ngân sách năm 2024 là 51.550 triệu đồng.

B. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN:

- Năm 2024, UBND tỉnh giao Kế hoạch vốn đầu tư XDCB các công trình do Ban làm chủ đầu tư với tổng số tiền: 569.878.000.000 đồng. Bao gồm:

I. Nguồn Vốn Trung ương: 280.296.000.000 đồng.

II. Nguồn Vốn Địa phương: 289.592.000.000 đồng.

Trong đó:

-Vốn thực hiện dự án: 278.852.000.000 đồng.

- Vốn trả nợ quyết toán: 85.000.000 đồng.

- Vốn chuẩn bị đầu tư: 10.740.000.000 đồng.

* Đã giải ngân tính đến 15/12/2024: 112.961.768.000.000 đồng. Đạt 19,8% kế hoạch được giao.

Trong đó:

+ Vốn Trung ương: 45.496.850.000 đồng đạt 16,2% kế hoạch.

+ Vốn Địa phương: 67.467.918.000 đồng đạt 22,2% kế hoạch.

* Ước thực hiện đến 31/01/2025: Giải ngân đạt:

+ Vốn Trung ương: Đạt 100% kế hoạch.

+ Vốn Địa phương: Đạt 100% kế hoạch.

(Chi tiết theo bảng sau)

DVT: Ngàn Đồng

Stt	Tên dự án	KH vốn năm 2024	Đã giải ngân đến 15/12/2024	Ước thực hiện đến 31/01/2025	Kế hoạch vốn còn lại, chuyển năm sau, hủy bỏ
1	2	3	4	5	6 = 3-5
I	VỐN TRUNG ƯƠNG	280.286.000	45.494.000	280.286.000	0
1	Đường giao thông Ngoài Cảng trung chuyển QTVP	80.286.000	45.494.000	80.286.000	0
2	Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương huyện Vạn Ninh đi Thị xã Ninh Hòa (DA thành phần 1	200.000.000	0	200.000.000	0
II	VỐN ĐỊA PHƯƠNG				
A	VỐN THỰC HIỆN ĐẦU TƯ	278.767.000	57.613.000	278.767.000	0
1	Nâng cấp mở rộng tuyến đường 652B và 652D	43.767.000	36.735.000	43.767.000	0
2	Nâng cấp mở rộng Cải tuyến Tỉnh Lộ 1B (đoạn từ nút giao Quốc lộ 26B đến nút giao Tỉnh lộ 1B)	90.000.000	8.153.000	90.000.000	
B	VỐN TRẢ NỢ QUYẾT TOÁN	85.000	85.000	85.000	0
1	Cải tạo Trụ sở Ban	36.000	36.000	36.000	0
2	Sửa chữa Đường Đầm Môn ĐT.651	49.000	49.000	49.000	0
C	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	10.740.000	9.771.000	10.740.000	0
1	Đường ven biển từ xã Vạn Lương huyện Vạn Ninh đến Thị xã Ninh Hòa	9.374	9.374	9.374	0

2	Nâng cấp mở rộng Cải tuyến Tỉnh Lộ 1B (đoạn từ nút giao Quốc lộ 26B đến nút giao Tỉnh lộ 1B)	245	245	245	0
3	Đường GT Ngoài Cảng TCQT Vân Phong (giai đoạn 2)	200	0	200	0
4	Nâng cấp mở rộng đường giao thông từ QL 1 đến cảng Hòn Khói	731	0	731	0
5	Dự án Nâng cấp mở rộng đường Quốc Lộ 26B, tỉnh Khánh Hòa	152	152	152	0
6	Nâng cấp hoàn chỉnh CSHT (50,28ha) và mở rộng thêm 15ha Khu Tái định cư Xóm Quán	38	0	38	0
TỔNG CỘNG (A +B+C)		569.878.000	112.963.000	569.878.000	0

*) Đánh giá chung về công tác thực hiện dự án:

Tính đến ngày 15/12/2024 tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công của Ban còn thấp do những nguyên nhân sau:

+ Tháng 11/2024, UBND tỉnh đã phân bổ thêm cho Ban 290 tỷ đồng so với kế hoạch vốn được giao đầu năm.

+ Công tác BTGT Các công trình còn khó khăn, kéo dài.

+ Các dự án mới đang thực hiện công tác đấu thầu các gói thầu thi công, giám sát.....

Dự kiến đến cuối năm 31/01/2025, Ban sẽ giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn được giao.

C) Tóm lại:

Trong năm 2024 với sự chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Ban cùng với sự cố gắng của cả tập thể cơ quan nên Ban đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Trong công tác thanh toán đã thực hiện các khoản chi hết sức tiết kiệm, đúng chế độ, định mức quy định. Do đó cuối năm đã có khoản tiết kiệm để chi tăng thu nhập cho công chức và người lao động trong cơ quan để cải thiện đời sống.

Thực hiện nghiêm túc việc niêm yết công khai báo cáo tài chính, chi tiết số liệu dự toán và quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định. Công tác lập, phân bổ dự toán kinh phí ngân sách nhà nước được thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục, đảm bảo đúng theo các định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định.

Trên đây là báo cáo công khai tài chính năm 2024 gửi đến toàn thể công chức, người lao động thuộc Ban để biết và giám sát việc sử dụng./.

Nơi nhận:

- Trưởng Ban;
- Lưu: VT, VP, VK, 02.

**KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Lê Hồng Phương